

Nhà văn hiện thực xã hội

Hoàng Quang

Sống vào khoảng hậu bán thế kỷ XVIII, Hoàng Quang thuộc vào lớp người ở vùng Tây Sơn nhưng ủng hộ Chúa Nguyễn. Ông người làng Thái Dương, huyện Hương Trà, Thừa Thiên theo *Đại Nam Nhất Thống Chí* ông có tài về thơ quốc âm, thông minh, khí tiết¹. Khi vua Quang Trung lên cầm quyền có vờ ra làm quan nhưng ông chối từ.

Tác phẩm còn để lại là *Hoài Nam Khúc*². Theo *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, Ngọc Huyền công chúa - con Nguyễn Phúc Chu - chép nguyên khúc hát này gởi vào Gia Định để Nguyễn Phúc Ánh phổ biến trong quân thứ nhằm mục đích đề cao chính nghĩa của mình vì nội dung bản văn xưng

¹ *Đại Nam Nhất Thống Chí-Tĩnh Thừa Thiên* – Ta nên nhớ đây là nhận định của người giúp việc cho triều Nguyễn cho nên nhận định về một người ca tụng các chúa Nguyễn sự khả tín chưa chắc đã cao.

² Còn gọi là *Hoài Nam Ca Khúc, Hoài Nam Ký*. Trong quyển sách này chúng tôi dùng bản Nôm *Hoài Nam Ký*.

tụng các Chúa Nguyễn lập nghiệp và chê trách nhà Tây Sơn.

Sau khi chiếm được Phú Xuân, Nguyễn Ánh có vờ Hoàng Quang ra giúp việc nhưng ông đã mất¹ con là Hoàng Hoán được giữ chức Hàn Lâm, về sau cháu là Hoàng Huýnh được làm Bộ Chánh Gia Định và Hoàng Thọ làm Thị Lang Bộ Binh.

a. Hoài Nam khúc, khúc ca bộc lộ dụng ý chánh trị.

Vào hậu bán thế kỷ XVIII thời Hoàng Quang, nước ta chia làm nhiều vùng thuộc quyền lãnh đạo của các phe nhóm khác nhau. Trong Nam mặc dù Tây Sơn cầm quyền nhưng ở Gia Định, Nguyễn Ánh, nhờ sự giúp sức của Tây Phương đã xây dựng lại lực lượng khá hùng hậu. Những năm cuối cùng của triều đại Tây Sơn, vì vua Quang Toản còn nhỏ quyền thần đổ kị nhau, binh lực vì vậy càng lúc càng suy, Chúa Nguyễn càng mạnh, lực lượng hai bên trở nên tương đồng. Chiến tranh tiếp diễn một thời gian khá lâu dài. Lòng người trong thời gian phân tranh này ly tán rõ rệt, một số nhớ ơn lập quốc của các chúa Nguyễn và nhìn thấy bước đường suy vi của nhà Tây Sơn nên quay về Nguyễn Ánh.

Hoàng Quang ở trong trường hợp đó.

¹ Từ đó ta suy ra ông từ trần vào năm 1801.

Hoài Nam Khúc có thể nói diễn tả tiếng lòng của những người đứng về phe chống Tây Sơn. Như nhan đề, nội dung Hoài Nam khúc trình bày sự nhớ phương Nam - nơi có Nguyễn Ánh - của người sống nơi vùng “địch” nhưng lòng quay về phía khác.

Nỗi lòng này bộc lộ rõ ràng ở phần đầu của tác phẩm với những lời ca tụng công trình khai nghiệp của những vị Chúa mở đường phương Nam.

*“Ăn cơm mới nói chuyện cũ,
Tưởng cơ đồ Chúa Nguyễn thêm thương.
Ngùi ngùi nhớ đức Tiên Vương¹
Công phu chỉ ngõ mở đường vào đây.
Phân cương từ chốn lũy Thầy.
Bắc Nam tương giới nào lay ngọn cờ.”*

Miền đất mới này do công gây dựng của các Chúa nên an bình, thái hòa, đến đời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát trở nên cực thịnh với nhiều cải cách tạo nên một chế độ vững vàng, nhân dân khắp nơi sung sướng như dưới thời Nghiêu, Thuấn:

*“Một trường lễ nhạc sum vầy,
Tranh theo thế giới, gấm xây cung thành
Đâu đâu hòa chẳng đua tranh.
Cửa quyền tía đỏ, lầu tranh ý là.
Ngậm cơm võ bụng đều ca,*

¹ Chỉ Nguyễn Hoàng, vị chúa được dân mến thương nên gọi là Chúa Tiên.

*Nhìn xem Nam Việt ngõ là Đường Ngu
Âu vàng cũng đặt máy thu.
Ở ăn nào có lo âu sự nghèo.”*

Dưới mắt Hoàng Quang, xã hội thời các Chúa Nguyễn tốt lành, ông coi như thời đại vàng son, tất cả đều là những công trình hay đẹp do các chúa gây dựng. Ông ca tụng quá khứ, một quá khứ không có vết nhơ, chỉ có công lao của nhà cầm quyền nhờ vậy dân chúng được hưởng cảnh thanh trị.

Nhưng Hoàng Quang chỉ ca tụng theo cảm tính riêng của ông, ông “vàng son hoá” quá khứ vì lập trường của riêng mình, trong khi thật sự dưới thời các Chúa không hẳn tất cả mọi việc đều tốt đẹp. Thời Nguyễn Phúc Khoát, nhà lãnh đạo Nam Hà dường như hết lo nạn xâm lấn từ phương Bắc nên đã ăn chơi xa xỉ, không lo chăm sóc dân tình.

Khi Tây Sơn nổi dậy chính tình ở đây đã xuống dốc đến cực độ, Quốc Phó Trương Phúc Loan của Chúa Nguyễn chuyên quyền, hà khắc đối với dân chúng, gom góp tiền bạc chất cao như bô lúa, trong khi đó mọi tầng lớp nhân dân đều đói khổ, cơ cực, Hoàng Quang cũng nhìn thấy tình trạng đó, nhưng ông chỉ qui trách nhiệm về Trương Phúc Loan, như hạng người ăn hại, chỉ lo tư lợi:

“Cùng loài hãy muốn lên gò¹ cho cao.

¹ **Mạnh Tử:** kẻ tiện nhân đến chợ, lên gò để hóng lợi. Chỉ những kẻ làm quan lo việc riêng.

Một đoàn phú quý xông xao.”

như một bọn tự tách mình ra khỏi số đông
đảo quần chúng, quên những khổ sở của trăm họ:

*“Ăn chơi cho sướng cái thân
Béo mình như tướng, óm dân chi sòn.”*

Một bọn tham nhũng, bè phái, chèn ép nhân
tài, khiến con buôn, người giàu có dịp thăng quan
tiến chức, còn người thực học, nhưng nghèo khó
không đủ cơ hội tiến thân:

*“Học trò là báu nước nhà,
.....
Thi tiền thì đỗ, thi tài thì bay.
Anh hùng khó chịu chau mày,
Nhà giàu con trẻ lướt mây thè lè.”*

Một bọn xảo trá dùng thủ đoạn để lấp tai che
mắt người trên khiến Chúa không thấy được sự
thật:

*“Áo che việc dữ, bia treo sự lành
Khiến cho ngẩn láp thánh minh.”*

Dùoi mắt Hoàng Quang mọi tệ hại dân chúng
phải gánh chịu phát sinh từ Trương Phúc Loan, một
người bày tôi bất xứng, Chúa Nguyễn không có
trách nhiệm gì hết, bởi:

“Áu xung nào biết bất bình lẽ chi.”

Lý luận của Hoàng Quang rất chánh trị, ông hy sinh lớp người trung gian, qui tội về họ để trút oán hờn của dân chúng về những người này. Như vậy ông khỏi biện minh cho Chúa Nguyễn đồng thời gián tiếp nói rằng Nguyễn Phúc Ánh trong Gia Định vẫn thuộc dòng chính thống và nhà Tây Sơn, chỉ như một bọn phiến loạn, bọn phá hoại, không biết thời thế, đầy thói xấu, đáng làm trò cười cho thiên hạ:

*“Rủ nhau chuột lỗ cáo bầy,
Vuốt nanh khách khứa, cánh vai buôn bè.
Nực cười châu châu đá xe”.*

Nhà Tây Sơn nổi dậy, vì một trường hợp may mắn, chứ thật ra chẳng tài cán gì, so sánh với nhà Nguyễn quân Tây Sơn hoàn toàn vô nghĩa lý như cá tôm với rồng:

*“Cá tôm sau chẳng biết thân,
Thấy rồng ở cạn đặng gần lại khinh.”*

Hoàng Quang trong chiều hướng đó đã thiên lệch khi nhìn về nhà Tây Sơn. Sự thiên lệch có lẽ vì ông quá tha thiết với dĩ vãng đến độ quên thực tại, vì ông quan niệm hẹp hòi về vấn đề chánh thống, mặt khác cũng vì thái độ chánh trị của ông.

Thật ra đáng lý Hoàng Quang phải coi nhà Tây Sơn như đại diện cho lớp người bị đè nén từ lâu, hạng người đói khổ dưới ách của Chúa Nguyễn, mà Trương Phúc Loan chỉ là một bầy tôi

thừa hành bé nhỏ. Chính Chúa Nguyễn bất lực, mê tâm, không đủ khả năng lãnh đạo mới có trường hợp Quốc Phó họ Trương.

Ca tụng Chúa Nguyễn, kết tội Trương Phúc Loan, Hoàng Quang vẫn thấy chưa đủ, để động viên tối đa số người theo Nguyễn Ánh, ông còn đề cao những người chống nhau với Tây Sơn. Tả quân Nguyễn Phúc Du có công chống giữ mỗi nguy cho chúa Nguyễn nhiều phen nhưng tình thế lúc này như ngôi nhà đã mục, một cây cột không đỡ nổi, Du thất trận, Hoàng Quang nhìn sự kiện trên theo cặp mắt thiên lệch cố hữu của ông:

*“Tả quân tuy có tài cao,
Than rằng hùm một nài sao cáo bầy!
Hãn sinh Võ Mục đời nay.
Có Trương Tân Cối khó bầy nên công.”*

Sự kiện Tổng Phúc Du cầm binh đánh lại quân đội Tây Sơn, trên căn bản không có gì đáng chê nếu không nói là đáng khen là vì họ Tổng đã thực hành hết vai trò của mình, ông đội ơn mưa móc của Chúa khi có người chống lại Chúa ông phải đem sức mình đương cự, nhưng Hoàng Quang đã không công bình ở chỗ quá đề cao Tả quân Tây Sơn bằng cách so sánh hai đảng với hùm cáo. Đó là chúng ta chưa xét đến کیا cạnh chánh nghĩa và thức thời bởi vì Tây Sơn có thể được coi như phong trào nổi dậy của dân chúng chống lại sự thối nát bất công của triều đình Chúa Nguyễn, Tổng Phúc Du

chỉ làm tròn bổn phận của mình và bỏ quên những khía cạnh khác.

Sau những điều trình bày có tính cách chánh trị, Hoàng Quang quay về với vong linh vì Chúa khai nghiệp, ông cầu xin tiên vương phò hộ cho những người nối nghiệp được an lành để thu phục lại đất đai. Khi “nói với” người đã khuất, Hoàng Quang cũng không quên trình bày những chuyện đã qua cũng như lý do tạo nên tình cảnh hư nát hiện tại theo con mắt của ông

1. Vì họ Trịnh gây hấn việc can qua mới xảy ra.

2. Miền Nam đắp lũy, xây thành ngăn giặc vì lòng thương nước yêu dân,

3. Chúa Nguyễn còn nhỏ nên quyền thần Trương Phúc Loan làm đều tàn tệ.

4. Quân nổi dậy Tây Sơn tạo nên loạn lạc, binh đao.

5. Quân Trịnh thừa cơ gây hấn vì muốn đóng vai ngư ông thủ lợi

“Kính đức Tiên Vương:

Non Lam trở ngọc;

Nước Việt tuôn vàng.

Thân cùng Trịnh trong điều mạch nước;

Tôn họ Lê trên chánh ngôi Vương.

Thệ đều dạ ái ưu, Hồ, Việt tưởng một nhà lạc
tiệt;
Tur vì ai hân khích, Lưu, Hạng nên trăm trận
chiến trường.
Hai chón Bắc, Nam mới cứ;
Sáu năm Thanh, Nghệ lại sang.
Thương sinh dân gói tuyết, năm sương, ngoài
mới triệu về chư tướng;
Thủ Bó Chính ngăn thành, đắp lũy, trong bèn
an trị bốn phương.
Tám đời thánh dôi truyền đức giáo;
Hai trăm năm sửa trị triều cương,
Nại từ ấu tỵ lên ngôi, giường Thang rói đã
đành vua Giáp;
Lại thêm quyền thần phụ chính, họ Nguyễn
suy căm giận họ Trương.
Ngoài đã một sâu lê thứ;
Trong thêm cá thịt họ hàng.
Ong bèn dậy Tây Sơn, thế đã khiến ba phân
chân vạc.
Hùm lại gằm ả Bắc, lò bồng tàn sáu miếu
khói hương.
Thế cheo leo Nguyễn tự nữa tơ, linh biết
chăng ôi liệt thánh!
Rày xui khiến Hạ đồ một mối, kéo còn hổ với
Thiếu Khang;
Ngõ một thừa lại vậy cơ hội;
Đặng muôn năm cho sáng miếu đường.
Nay cáo”.

Phần cuối Hoài Nam khúc, tác giả dùng để phân tích về nhà Tây Sơn như:

Không chánh nghĩa: Mượn tiếng của Hoàng Tôn Dương nhưng thật sự không phải Hoàng Tôn chủ trương binh đao và Hoàng Tôn cũng chỉ là hư vị vì quyền hành đều ở trong tay ba anh em Tây Sơn, với việc tạo chiêu bài này, trong những năm đầu dân chúng tuy có theo quân Tây Sơn khá đông, nhưng về sau bộ mặt giả dối lộ ra, họ chỉ là một bọn tà gian, gây rối, không chính nghĩa:

*“Ngọn cờ chiêu chúng hương thôn,
Báo danh làm chủ Hoàng Tôn bia bèn.
Cho nên ứng thuận lòng người,
Ai đâu dám cãi mệnh trời vạy vạy.
Đã vâng hồng nhật trên tay,
Hãy còn ở thói nước mây lãng loàn.
Bây giờ đã hãn mặt chằng?
Phấn tô trung nghĩa mực nhằng tà gian!”*

Đắc tội với dân: Vì quân Tây Sơn nổi dậy nên có giặc giả khiến nhân dân khổ sở:

*“Làm cho thiên hạ lâm than,
Tội danh biết để mấy ngàn muôn thu?”*

Hoàng Quang đưa ra những lý do để kêu gọi quân đội Tây Sơn biết lẽ phải. Quay về với Chúa Nguyễn. Sự quay về này không phải như một sự đầu hàng mà coi như trở về với nguyên lý bất di bất dịch đi từ xưa đến nay:

1. Mệnh trời đặt ai làm vua người đó được, tranh giành vô ích:

“Làm vua ví chẳng mệnh trời, Nếu tranh mà đặng nhiều người cũng mơ.”

2. Chồng lại chúa là hành vi phản bội, sẽ gặp phản bội:

“Có thân thì đóai sau này, Chẳng ngay cùng chúa, ai ngay cùng mình.”

Ông cũng xin trời ban cho được mười điều ước nguyện như : quân các đạo liên lạc được nhau, thuận lòng trời, binh sĩ tài giỏi, không mất lòng dân, bọn nghịch đảng bị tàn hại, các phủ Điện Bàn và Thăng Bình được an toàn, bọn tham ô bị trừng trị, nhân nghĩa được tưới rải khắp nơi, quan ải thông thương, Chúa Nguyễn lấy lại đế đô, thu phục giang san

Mười quyền của Hoàng Quang nhìn trên bình diện chánh trị, như con đường sáng soi đường Chúa Nguyễn dẫn đến thành công trong việc giành lại quyền lực, nhưng đứng trên phương diện khác, mười quyền kia biểu lộ ước vọng hòa bình của người sống trong thời loạn qua phân, một “thời rau ăn như bấu”, “đói nằm thất thủ dọc đường.”

Tóm lại, tư tưởng của Hoài Nam khúc nhằm phục vụ Chúa Nguyễn nên thiên lệch nhiều điều. Những lý luận sự kiện trình bày tuy có phần thật nhưng đều xoay về mục tiêu: làm sao nổi bật chánh

nghĩa Chúa Nguyễn, vẽ ra sự tầm thường, bạo tàn, vô chánh nghĩa của nhà Tây Sơn. Do đó ta không lạ về việc Ngọc Huyền Công Chúa sao chép gởi vào Gia Định và “binh sĩ nghe nhiều người úa lệ” cũng như ta hiểu tại sao Gia Long vừa lấy Phú Xuân đã cho vời tác giả ra làm quan và khi biết ông qua đời liền trọng dụng ngay con cháu ông.

Giải thích thái độ “*hoài Nam*” của Hoàng Quang, nhóm Văn Tân trong LSVHVN, quyển III, cho nguyên nhân chánh vì quyền lợi gia cấp bị mất do những cải cách của nhà Tây Sơn, chúng tôi nghĩ căn bản vì lòng trung quân hẹp hòi của nhà Nho và vì cái nhìn thiếu sáng suốt của những người còn sống trong ảo tưởng quá khứ chưa thấy được sự thật xảy ra chung quanh mình hơn là quyền lợi của giai cấp .

b. *Hoài Nam Khúc*, khúc ca nhiều hình ảnh hiện thực.

Ngoài phần tư tưởng có tính cách chánh trị, lập trường phe nhóm, *Hoài Nam Khúc* đáng để ý ở phần mô tả với nhiều hình ảnh hiện thực:

1. Sự thối nát tham nhũng của chính quyền Nam Hà mà Trương Phúc Loan là hiện thân:

- Kết bè đảng với bọn xu nịnh, bắt tài.
- Gom góp tài sản của dân chúng.
- Gần với bọn giàu có.

- Thi cử gian lận
- Xa hoa trong khi dân đói khổ.
- Che lấp Thánh minh.
- Dùng quân đội không đúng khả năng, thiếu công bình

2. Nỗi khổ của dân trong thời loạn:

- Dân chúng cơ hàn không bao giờ thấy mùa Xuân.
- Chết chóc vì bị giết hại.
- Người giàu bị cướp bóc, kẻ nghèo không đủ cơm ăn.
- Chôn chôn hoang sơ.
- Thực phẩm cao giá.

Chúng tôi xin trích một đoạn bài văn đầy đủ tính chất hiện thực, mô tả nỗi thống khổ của dân chúng sống dưới thời loạn lạc trong Hoài Nam Khúc ⁽¹⁾.

“Mỡ trâu đêm mấy đoàn kẻ cướp, thương hời thương! Giàu súc tích chẳng đặng ăn;

¹ Đoạn văn này cho thấy “văn” là bài văn có vần điệu, có thể như bài văn tế (thể Đường Phú). Nguyên đoạn văn này thôi, giá trị cũng đã có thể so sánh với “Thập giới cô hồn quốc ngữ vãn” của Lê Thánh Tông hay “Chiêu hồn ca” của Nguyễn Du.

Gạo năm tiền một chén hẩm hiu, phẩm bấy
thảm! bạc tiền đồng thời mới bán
Lấy chi dưỡng sức cầm hơi;
Luống những ngóng đầu chau trán.
Nhà ở cùng cây cỏ, chốn thị thành bỗng hóa
rừng xanh;

Người ăn như chó mèo ăn, vật tầm mắt xem
bằng vàng gián.

Nếu nói ra thì nước mắt nhỏ sa;

Nếu kể đến thì lòng khôn giã.

Nhà nuôi bữa, kẻ hồn không kẻ xác, khổ nào
thay! Cá lượng vầy, thuốc lượng điều, củi bán cân;

Chợ mua tiền, thấy tổn chẳng thấy ăn; tha
thiết bấy! Bánh bán lá, khoai bán râu, cơm đóng
oản.

Nghĩ nào uống khát ăn thêm;

Khôn bấy nằm cầu ở quán.

Kẻ già yếu, thác lặn ngòi rãnh, xương trắng
quận Hà Đông.

Người thất thơ, đi bỏ quê hương, cỏ xanh
miền Nam Giản.

Nỗi ái ưu đã rồi dạ, rồi lòng;

Niềm cốt nhục cũng hết ngoan, hết ngoan.

Bên giếng bắc đôi quên liêm sỉ, em vắn cánh
tay anh mà ăn cướp cũng đành.

Chốn làng đông đói hết nghĩa nhân, mẹ cắt
miếng thịt con mà đặng ăn nào quán.

Cỏ rau trăm họ sắc xanh lè;

Vượn hót muôn dân hình quái đản.

Giữa chợ đói nằm thắt thẻo, người rằng ông
này trước mới thấy dù, võng, xiêm, đai

Bên đường rách chịu xơ vơ, kẻ rằng bà ngày
xưa mới thấy xuyên, loa, hột, noãn.

Dân đời loạn lạc, từng nghe chép để trường
biên;

Sinh thừa hiêm nghèo, so lại hơn trong
chuyện vãn.

Cơm cháo đắng, lấy cỏ rau làm ngọt, bòn
non, non đã trọc trời;

Mắm muối không, lấy nước mặn làm ngon,
múc biển, biển đà quá cạn.

Thửa bình thường đói chịu đã cam, Ngày tết
nhất “no” thêm quá ngán

Cửa rước chúa xuân buồn được được, nào
cây nêu, cây mía, những tiếng pháo tiếng đu;

Bàn thờ ông vải chạnh khuâng khuâng, nào
miếng bánh, miếng nem, những cơm lương, cơm
phạn.

Chúa xa xôi có thấu chăng là;

Dân loạn lạc no nao đặng chán.

Nắng đã trưa, mà mù còn tối, ấy là người
phải đau thương mà khổ cốt sâu bi;

Trời chẳng động, mà sấm cứ kêu, ấy là kẻ
chịu cơ hàn mà u hồn ai oán.

Kẻ sao cùng muôn việc thảm thương;

Trông cho đặng mặt trời bão noãn...”

Đoạn văn trên của Hoàng Quang cho thấy
ông là một nhà văn tả chân xã, hội hình ảnh đau

thương của quốc gia, của dân chúng, những khổ sở chết chóc thảm sầu mà người vô tội phải gánh chịu đều đã được phơi bày dưới ngòi bút ông.

Là một chứng nhân Hoàng Quang không bỏ lỡ một chi tiết nhỏ nhặt nào: chốn hoang sơ người nghèo đói, hành vi mất nhân tính đều được vẽ lại tỉ mỉ. Tuy nhiên vì ông năng dùng thể văn biền ngẫu nên nhiều khi vì sự câu thúc của âm vận ông đã phóng bút quá đáng. Sự tả chân vì vậy phần nào mất đi tính chất chân xác:

*“...Bòn non, non đã trọc trời,
....Mức biển, biển đã quá cạn.”*

Hoàng Quang đáng cho ta chú ý trên hai khía cạnh; lập trường chánh trị và mô tả hiện thực. Tuy nhiên ở hai phương diện ông đều quá khích: thiên lệch và thậm tả. Sự thiên lệch và thậm tả này là khuyết điểm của ông nhưng đồng thời cho chúng ta thấy được phần nào nhân tâm thời đó, một nhân tâm chưa thức tỉnh, còn ôm ấp quan niệm chính thống lỗi thời hẹp hòi.

Phụ lục

懷南記

HOÀI NAM KÝ

(Tác phẩm của Hoàng Quang)

1. Ăn cơm mới, nói chuyện cũ,
Tưởng cơ đồ Chúa Nguyễn thêm thương!
Ngùi ngùi nhớ đức Tiên Vương,
Công phu chỉ ngõ mở đường vào đây.
5. Phân cương từ chốn lũy Thầy,
Bắc Nam tương giới nào lay ngọn cờ.
Để phòng chẳng chút vi sơ,
Đã hâm ao nóng lại hơ thành vàng.
Tượng vị trên chúa Đào Đường,
10. Dưới tôi lại có những trang Cao, Quỳ.
Thang non bè biển đều vè,
Có nhân trời đất cũng vì nữa ai.
Dây dưa truyền đã bảy đời
Kiệm cần còn hãy đội trời Thang, Văn
15. Tám truyền mới đến tiên quân,
Đai cân mới đổi, áo quần mới thay.

- Một trường lễ nhạc xum vầy,
Tranh treo thế giới gấm xây cung thành.
Đâu đâu hòa chẳng đua tranh,
20. Cửa quyền tía đỏ, lều tranh ý - là
Ngậm cơm vỗ bụng đều ca,
Nhìn xem Nam Việt ngõ là Đường Ngu.
Âu vàng vững đặt mấy thu.
Ở ăn nào có lo âu sự nghèo
25. Quấy đem trách bầy tôi yêu.
Mở đường một nước xui điều sâu dân.
Lợi đo từ tác nhẩn phân,
Tầm xa dễ vậy, thước gằn ít ngay.
Chín trùng nào Chúa có hay,
30. Lệnh ra thì ít, lạc bay thì nhiều.
Ngàn chung rước những sự nghèo.
Phủ xây oán hận, thêm rào họa tai
Luống toan phú quý làm môi.
Đàn hòa lũ nịnh, phần giới mặt dua.
35. Ngọt lời để tạt cho Vua,
Cảnh ngôn nào thấy một mồ Tỉ Can.
Để cho mạch nước hao tàn
Đao khuê cạn tể, chưa toan rước thầy.
Trong khi cõi nước động lay,
40. Cung xanh trước quạnh chưa xây nền Chừ.
Mùi phân thế nước dường tơ,
Đời không Tứ Hiệu ai hòa gỡ xong.
Hiềm nghi ai khéo sinh lòng,
Ngọt ngon một bánh chúc mừng các con.
45. Xa lo kìa hồi Quý Tôn,

Giặc trong thêm vách, dạ còn chớ quên.
Giáp Tân chúa mới tân thiên,
Tranh nhau trận ấy ước nên dầm vàng.
Đỉnh hồ từ quạnh xe loan,
Điều vong ngài tả hai chương văn từ:

I. *Ba chín năm dư sáng nghiệp vương.
Ân oai cương đoán tốt đường gương.
Mặt Nam dốc sửa trong phong hóa,
Cõi Bắc thường cầm nổi bản chương.
Cõi nước chẳng toan tôn thái tử,
Mối nhà nữ để rồi triều cương.
Đã không Chiêu Liệt còn chi nữa
Bếp Hán ai nhen lửa đặng hương.*

II. *Non nước trời Nam đã bảy triều,
Nghiệp vương xây dựng để tôn miêu.
Rõ ràng chính hóa đời Văn, Võ.
Réo rắt âu ca thừa Thuấn, Nghiêu.
Của đặng Công Lưu sao chẳng muốn,
Sắc như Đản Phủ cũng nên yêu.
Cơ chi quốc thúc còn Cơ Đán,
Chống đỡ chi cho cõi nước xiêu.*

Thơ thôi chạnh tưởng bơ vơ,
Thế này chưa biết cuộc cờ về ai?
Lại cho cướp đặng báu trời.
Thẹn cùng Tử - Ngũ hổ người Di - Tề.

55. Lại cho ôm đặng ngọc khuê,

Soi gương Nguyên Cát, nhắm bia Kiến Thành.

Nỡ nào cốt nhục phân tranh,
Chẳng hay thiên ý đã dành chân vương.
Một mình ấu chúa đảm đương.

60. Cự dinh may lại có trang anh hùng
Mượn tay kìa bấy Trương - Công,
Gót gian ẩn tích, da trung lộ ngàn.
Cùng thuyền e lậu tác phân,
Âm mưu Hữu Ý uống hàn chín sông?

65. Hòa triều đều trệt lưỡi trung.
Nào ai có dám cãi trong ngực trần.
Chua le thay nổi ân cần!
Béo gầy khéo mượn Việt Tần lòng thương.
Chín truyền bèn đến tân vương.

70. Ấu thơ nào biết mối giường đảm đương.
Tướng xưa Thái Giáp thêm thương
Mấy lần hầu trách “*Phúc Thang điển hình*”
Cơ chi có Doãn A - Hành.
Làm chi đến nổi rồi mình nhà Thương.

75. Trách vì quốc phó họ Trương.
Chánh quân khéo khéo chẳng nhường Y Châu.

Của dân muôn một mình râu.
Nhu sành còn hãy rán dầu cho khô.
Muôn chung ăn tướng chữa no.

80. Cùng loài hãy muôn lên gò cho cao.
Một đoàn phú quý xông xao.
Trâm anh còn bú, đài bào còn mem.

- Trong triều hòa những con em.
Có ai mà lại nghi hiềm dạ ai.
85. Đua nhau ăn uống cơm trời.
Cạn đường thịt chạy nhuận vời thầy đi.
Cho hay Thuấn đã qua kỳ.
Tài dầu chẳng sánh Cao Quì cũng dâng.
Của tiền thì đặng trí thân.
90. Thiếu tiểu tu cần, dầu học chí nên.
Mãn triều chân tử vẻ vang.
Đều những đọc tiền, nào thấy đọc thơ!
Học trò là báu nước nhà,
Non cao hang thẳm tiếc đà bỏ rơi.
95. Há rằng chẳng có bảng trời.
Thi tiền thì đỗ, thi tài thì bay.
Anh hùng khó chịu chau mày.
Nhà giàu con trẻ lướt mây thè lè.
Có ai bung bít chẳng nghe.
100. Đã chẵn sao để trâu dê gây mòn.
Nữ tàn cõi nước chẳng vun.
Ngọc vàng con hát. Lầm bùn thẳng dân.
Ăn chơi cho sướng cái thân.
Béo mình những tưởng, ốm dân chi sòn.
105. Lấy ai cứu chúng lầm than ?
Nóng nướn thêm nóng, sâu càng thêm sâu.
Hãy còn hỏi lộ tham cầu.
Trút hờn dưới thẳm, chồng sâu trên xanh.
Có phen Bạt qui hiện hình.
110. Ba đông rục rở trên hành trở lam.
Có phen chan chứa nguồn tham.

- Lụt dẫy hàn đàm, nước đục dòng Xuân.
Có phen điềm hiện yêu phân.
Trời năm sáu mặt treo ngằn giữa không.
115. Có phen sấm sét bão - bùng.
Lúa có hoàng trùng nội có hổ lang.
Có phen điềm giới sắc hoang.
Tối tăm hồng nhật, rõ ràng tuệ tinh ¹.
Có phen điềm ứng giáp binh.
120. Nước sông dường máu đã tanh lại nồng,
Có phen điềm ứng hư không.
Lở non nên vực, cạn sông nên gò.
Có phen dậy trận đánh khu.
Bồng dung đất động trái mùa sấm ran.
125. Có phen cốt nhục tương tàn.
Ban ngày sao mọc, rõ ràng hơn đêm.
Móng bày mùi thối thừa xem.
Tham vui nào có nghi hiềm sự chi.
Há rằng trời chẳng lòng vì.
130. Mấy điềm răn trước, hay vì đã nên.
Trách vì phụ tá chẳng hiền.
Lợi tai vui mắt, lại quên sự nghèo
Rõ ràng lỗ miệng khéo thêu.
Áo che việc dữ, bia treo sự lành.
135. Khiến trên ngăn lấp thánh minh.
Áu sung nào biết bất bình lẽ chi.
Đua nhau quấy rối triều nghi,
Kiếm đồ ngoạn bảo dị kỳ dâng lên.

¹ Tuệ tinh là sao chổi (điềm gỡ !).

- Nào hay thuốc độc bề trên.
140. Mê tâm không tưởng nước nên sự nghèo.
Kể từ Ất Dậu lâm triều.
Rồi qua Quý Tỵ chúc nghèo chín năm.
Giặc dân nổi dậy xứ Chiêm.
Tây Sơn Biện Nhạc nghĩ cầm Võ Thang
145. “Phù minh diệt ám” tiếng vang.
Đã liêu búa sắt, gươm vàng quân chi.
Trong non khói lửa đen xì.
Cờ thì treo áo, binh thì rút cây.
Rủ nhau chuột lỗ cáo bày.
150. Vuốt nanh khách khứa, cánh vai buôn bè.
Nực cười châu chấu chống xe.
Những ngờ chấu ngã, ai dè xe nghiêng.
Lớn oai sao nó chẳng kiêng.
Đầu còn chó gặm, sau liền kinh ăn.
155. Tới đâu ngọc thạch câu phân.
Than rằng Thăng, Điện ấy dân tội gì.
Triều đình xa dễ chẳng nghe,
Đã đành đuổi cáo muôn què nhọc khua.
Há không lương sĩ cù cù.
160. Bởi vì ngọng miệng xôi chùa tham ăn.
Há không lúa thóc đầy căn.
Ba quân đánh giặc phải ăn cơm nhà.
Há rằng chẳng sắc can qua.
Can qua sắc nữa, ai hòa đánh cho.
165. Chẳng nài trăm trận đều thua.
Miễn là đắc thắng đầy kho bạc vàng.
Tinh binh đồn thủ Phấn Dương.

- Đem binh lão nhược lớt đường Tây Sơn.
 Ắi ngoài sai chúng khó khăn.
170. Góc nhà đồn thủ về phần cháu con.
 Trận bày dưới biển trên non.
 Vây dân tiền của đắp đồn miễn hơn.
 Khéo là đành dạ bất nhân,
 Một mình muôn sống, muôn dân nữ hoài.
175. Ví dầu xuống ngựa lên ngai.
 Không dân chưa dễ cùng ai sang giàu.
 Tưởng hơn nào thiệt có âu.
 Nước nhà đã mất công hầu cùng ai?
 Sao không chống sức ra tài.
180. Lấy gan làm lữ, lấy vai làm thành.
 Để cho giặc nọ vô danh,
 Xôn xao éch giếng khoe mình nổi chi.
 Anh hùng để phải thế thì.
 Nào là tài cán chẳng đi dẹp loạn ?
185. Binh cơ khéo vận trong màn,
 Chưa lo đánh giặc, đã càn đánh dân.
 Mới hay Tần lại công Tần,
 Quét hang đã lỗ, cày sân lại chiu.
 Đến đâu máu mỡ đều hao,
190. Của dân sao khéo tư hào chẳng kiêng.
 Ai làm dân Quảng truân chiến.
 Dễ hầu gà lược mấy phiên nữa là.
 Tranh nhau mấy trận vào ra,
 Xương phơi trắng núi, máu hòa đỏ sông.
195. Lấy ai làm chước chiến phong,
 Trận tiền dễ thấy anh hùng mặt nao?

- Tả quân tuy có tài cao,
Than rằng hùm một nài sao cáo bày!
Hãn sinh Võ Mục đời này.
200. Có Trương Tần Cối khó bày nên công.
Xa xôi nào thấy chín trùng,
Có hay mưu hãm anh hùng vậy chăng?
Tiếc tài chân tướng ai bằng,
Tạc bia muôn thừa kính dâng một đề.

Thơ rằng:

*Vô lý lục lục lũ muôn ngàn,
Khen Tả Quân Du có trí ngoan.
Ngoài cõi vững bền thành họ Lý,
Trong quân da lạnh khổ người Hàn.
Điềm trời cõi Bắc còn bia tiếng,
Trái đất non Tây thấy nếp gan
Khá tiếc đương nghèo trong vận nước,
Anh hùng nữ lụy ba lan!*

205. Thơ thôi thảm thiết nhiều bề,
Tưởng anh hùng lại càng ghê nổi lòng.
Ngao cò dùng dăng dư đông,
Bắc Hà chốc đã chén nông ngư ông.
Tháng năm Giáp Ngọ hưng sư.
210. Lời thay phủ việt, thơ từ hỏi han.
Trách vì Trương đại chẳng khôn.
Bày kế hoảng hồn đem lễ cáo lao.
Mượn đường chẳng biết làm sao,
Rày dầu diệt Quắc, mai nào còn Ngu.

215. Chẳng toan yếu đỡ nguy phù.
Cùng thuyền sao nữ gieo thù hờ ai?
Những tin muôn dặm thành dài,
Đường trong đã mở đường ngoài lại qua,
Bởi ta lại làm lại ta,
220. Nước mình mình đánh dễ hòa trách ai?
Uổng lo mấy nén vàng mười.
Bảo sơn đã đến, dễ rời về không!
Hạ xa xá sợ ý xung.
Biết ai đã hản gian hùng một Trương.
225. Bây giờ hết chước không lường,
Nỡ cho nước đến góc giường mới ngăn.
Noi sương ví chẳng hay răn,
Xa lo thì dễ, họa gần nói chi.
Bây giờ thế đã thù nguy,
230. Dầu Tôn, Ngô nữa chước gì hầu toan.
Há rằng chẳng có tài năng,
Bình thường chẳng đoái, nguy nan mới chiều.
Hiếm chi những hạng đồ điều,
Anh hùng rày đã lụy chiều cháo rau.
235. Bán quan tiền bạc bấy lâu.
Bây giờ một tướng mua hầu dễ ra.
Đường cùng mới biết độ xa,
Đốt thơ, chém xú ai hòa thua ai.
Nên, hư cho biết ý trời.
240. Dễ cam tội đánh dễ cười muôn thu.
Bắc Nam bày trận nhà Hồ.
Danh thơm đã quyết một mô tướng quân.
Trọng đông hầu đã sáu tuần,

- Cuộc đòi Hán, Sở chưa phân một bàn.
245. Khéo toan ai dễ vụng toan.
 Một người cũng một lá gan anh hùng.
 Nào nhường Bái Đáp tranh phong.
 Trắng non kiếm kích, đỏ sông tinh kỳ.
 Cho hay thời vận bất tề,
250. Sức trời mà chớ, hiểm chi sức người.
 Anh hùng thành bại dễ nài,
 Hai mươi tám Tết đã rời chiến tâm.
 Mới hay chữ ngộ là làm
 Trong thành cờ Triệu đã cầm tay Lưu.
255. Một trường phú quý phong lưu.
 Vật ngoài nào tưởng ái ưu nổi gì.
 Dứt lòng lận bận lão kỳ.
 Ở Mân dầu rồi, qua Kỳ cũng xong.
 Chúa tôi mới quyết một lòng.
260. Tháng giêng mồng bốn thuận dòng mới lui.
 Đoái theo cảnh cũ ngùi ngùi.
 Nước pha màu biếc, non dờn thức xanh.
 Bên trời, góc biển lênh đênh.
 Ngừng châu hòa mực tả tình một chương:

Thơ rằng:

*Xuân hạ ăn chơi chẳng sớm lo.
 Đến thu đông lại biết răn cho.
 Tâm lòng trời đất thương hay mới.
 Nước mắt non sông khóc cũng no.
 Chim Việt ngựa Hồ ngựa ngáo đớ.
 Hươu Tàn yến Tạ lạc loài mô?*

*Số là bĩ, thái xưa nay vậy.
Há dễ trong đời thiếu trượng phu?*

Thơ thôi khôn lập nỗi thương.
Giữa đường gánh bồng dứt quang một mình.
Muôn dân bỏ lại bao đàn,
Cơ chi nhắm mớ dứt tình cũng theo.
Gẫm hờn phô chúng tôi yêu,

270. Khi bình thấy Chúa, khi nghèo thấy ai.
Nặng bầu bạc én vàng thoi,
Nhẹ thuyền trung ái giữa vời lênh đênh.
Nỡ nào bỏ chúa cho đàn.

Nước đâu hầu rửa nợ danh muôn đời.
275. Áo ai mặc hãy ấm hơi?
Cơm ai no dạ ăn rồi lại quên?
Cầm lòng bội bạc sao nên?
Đặng đàn ngoài, lại bỏ miền đàn trong.
Nào khi châu chực màn rồng.

280. Phấn vua giỏi bén đậm nồng duyên tôi.
Bây giờ phân rẽ đôi nơi,
Thuyền không để Chúa giữa vời cùng ai?
Nào khi cậy thế nhờ hơi,
Coi mình tiên bối, coi người giống chi.

285. Bây giờ nghèo lại bỏ đi,
Làm sao cho phải thừa nghi tôi con.
Nào khi nương tựa quyền môn,
Mình vuông hiếp chúng, gổ tròn lẩn dân.
Bây giờ phụ nghĩa quên ân,

290. Lẽ đâu bỏ gánh quân thân giữa đường?

- Nào khi bỗng đỡ yêu đương.
 Thân mình đặng cậy, họ hàng đặng trông.
 Bây giờ hoạn nạn lại vong,
 Những toan của lấy, nào mong nghĩa đền.
295. Nào khi tôi chúa phi duyên,
 Cả cơm ai sánh, lớn tiền ai đương.
 Bây giờ bỏ chúa giữa đường,
 Ắi Vân nguy hiểm biết đường thế nao.
 Khi bình tìm tới lao xao.
300. Đến khi loạn lạc thì nào thấy ai.
 Ví dầu chúa chẳng sang vời
 Đạo tôi há chẳng mang lời bất trung?
 Gương chẳng soi lấy Đinh công.
 Phận làm tôi Hán, tin dùng những chi.
305. Mấy người bạc nghĩa vô nghi,
 Trước sau rồi cũng làm bia để đời.
 Chúa mình, mình chẳng ngay thờ,
 Biết lòng chúa khác có ngờ hay tin?
 Lẽ thời nợ nước lo đền,
310. Thấy nghèo liều mạng mới nên anh hùng.
 Có đâu đương thừa bão bùng.
 Ba đào thuyền Chúa bỏ không ai chèo.
 Hồ sinh với đấng bọt bèo
 Phận hèn chưa đặng giúp nghèo tác công.
315. Lụy châu muôn giọt rờn rờn,
 Lạy dâng ba lạy đưa lòng một thơ:

Thơ rằng:

Gây loạn vì ai khéo trở trêu,

Áu sung xui Chúa phải cơ nghèo.
Lênh đênh sự nghiệp thuyền không lái,
Tan tác vua tôi gió thổi bè.
Mây dậm giang sơn sâu ngóng đại.
Hòa nghìn hoa cỏ thảm châu theo.
Dưới cờ may đặng xoay tay tổ.
Con giặc tôi loàn quắc hấn bêu.

Thơ thôi chạnh tưởng bơ vơ,
Một mình thân Chúa áu thơ biết gì,
Ái Vân thăm thăm ra đi.

320. Biết ngày nào lại trở về kinh đô?
Nữ tham chôn khác quê mô.
Xui cho chim Việt ngựa Hồ sao nên.
Giang sơn một gánh xuống thuyền
Cơ đồ để lại giữa miền Phú Xuân.
325. Kêu sầu mấy tiếng trống quân,
Nào còn nhạc rối đòi lần như xưa.
Cấm cung là chôn vua ta.
Kìa gươm ai dựng nọ cờ ai treo?
Của kho lấy hết bao nhiêu,
330. Ấy rơm thay bạc, ấy rêu thay tiền,
Than rằng gác phụng đài tiên,
Chớ nào hương xạ bỗng liền tan hôi.
Bốn bề nhạc ngựa, chuông voi.
Kìa cung đế tử, nọ chồi chinh phu.
335. Lạnh lùng tám cảnh năm lâu,
Phòng hương đóng thắm, rèm châu rủ hờn.
Mén lòng, vật hãy cảm ơn.

Hạc ngâm cung oán, ve đờn khúc ai.

Khôn chiều gió tối mưa mai.

340. Phủ tàng ngói lở lâu đài giá tan.

Trêu người khiến cảnh đeo hờn,

Đào phai má thắm, liễu sờn mày xanh.

Chông gai nẻo khuất đường quanh,

Thấy đôn cùng luỹ, nào thành thửa xưa?

345. Chạnh lòng tưởng nỗi bơ vơ,

Trăm năm khôn nói, một thơ tả tình.

Thơ rằng:

Chúa cách Vân quan đã bấy lâu,

Thành vàng ai nữ chắt thành sầu.

Lạnh lòng đỉnh Bắc sương ngàn dậm.

Chếch mác lầu Tây nguyệt nửa câu.

Sáu viện đeo sầu hồng úa sắc,

Chín cung để thảm gấm phai màu.

Cửa kho đèn nguyệt đều thâu hết.

Còn chút chòm sao yển bóng châu.

Thơ thôi buồn tưởng một mình.

Đoạn trường trăng biết, sự tình trời hay.

Ai làm đá nát vàng phai,

350. Ủ ê nào thấy lâu đài như xưa.

Miêu đường đòi chốn lơ thơ.

Vò hương chếch mác bàn thờ ngả nghiêng.

Tám vì thánh hãy còn thiêng,

Phù trì ai nữ phụ thiêng cháu con.

355. Ví dầu Tân chúa chon von,

Vái trời xin hộ Hoàng Tôn sau này.
Hai trăm mười bốn năm chầy.
Dựng nên cơ nghiệp để rày ai ăn?
Tấm lòng man mác khôn ngăn,
360. Dâng lên trước miếu một văn cáo rằng:

*Kính mặt đức Tiên Vương,
Non Lam trở ngọc;
Nước Việt tuôn vàng.
Thân cùng Trịnh trong điều mạch nước;
Tôn họ Lê trên chánh ngôi Vương.
Thệ đều dạ ái ưu, Hồ, Việt tướng một nhà lạc
tiệc;
Tur vì ai hấn khích, Lưu, Hạng nên trăm trận
chiến trường.
Hai chốn Bắc, Nam mới cứ.
Sáu năm Thanh Nghệ lại sang.
Thương sinh dân gói tuyết, nằm sương, ngoài
mới triệu về chư tướng;
Thủ Bó Chánh ngăn thành, đắp lũy; trong
bèn an trị bốn phương.
Tám đời Thánh dõi truyền đức giáo;
Hai trăm năm sửa trị triều cương.
Nại từ ấu tự lên ngôi, giường Thang rồi đã
đành vua Giáp.
Thêm lại quyền thân phụ chánh, tộ Nguyễn
suy cãm giận họ Trương.
Ngoài đã một sâu lê thứ;
Trong thêm cá thịt họ hàng.*

*Ong bèn dậy Tây Sơn, thế đã khiến ba phân
chân vạc;*

*Hùm lại găm ải Bắc, lò bồng tàn sáu miếu
khói hương.*

*Thế cheo leo Nguyễn tự nữa tơ, linh biết
chăng ôi liệt thánh.*

*Rày xui khiến Hạ đồ một mối; kéo còn hổ với
Thiếu Khương.*

Ngõ một thừa lại vầy cơ hội;

Đặng muôn năm cho sáng miếu đường

Nay cáo.

Vái thôi nhiều nổi bâng khuâng,

Trời cao có biết thấu chẳng nữa là ?

Uổng sinh làm hại nước nhà,

Ngậm hờn quốc phó bút hòa nên thơ:

Tôi giặc ngậm hờn đưa họ Trương,

Làm cho trăm họ khốn ghê đường.

Cây Lương dòng ngoại lần tiên Chúa,

Giả Hoắc mâu trung lập tự vương.

Bán nước tiền ròng xây cánh tả,

Buôn dân vàng diếng chất phần dương.

Hai triều tể tướng công chi nó ?

Luống đặng xe tù tới Bắc phương.

365. *Thơ thôi nổi giận không ngờ.*

Đoái trông sự nghiệp bơ vơ lại buồn.

Cảm xưa tôi dựng nước non.

Nước non hãy còn, tôi ấy đi đâu.

Vời trông Thuận hầu, Chiêu hầu ¹ .

370. Miếu thờ còn đó, điều sâu một thiên:

*Danh sáng đài mây đã mấy đông.
Có nhân dường hãy sống hai ông.
Chiêu hàng quận Nghệ cờ Hàn Tín.
Quyết thắng Thành Nam thế Tử Phòng.
Một mối dốc trâu về cõi ngoại,
Hai trăm há nguyện ở đàng trong.
Tớ dầu nói đặng binh quyền ấy,
Rửa hổ xin vì kẻ chín sông.*

Thơ thôi đã vái lại nguyên
Bao giờ như cũ hiệp duyên quân thần.
Than rằng thiên hạ phân vân,
Lấy ai chứng nịch cứu phần dân ta.

375. Chúa đi Chúa chẳng nài xa,
Bao nhiêu phép tốt nước nhà đem theo.
Thấy chi những chuyện báo yêu,
Thấy sự khó nghèo để lại cho dân.
Ngùi ngùi thấy cảnh Phú Xuân.
380. Ngụ tình bèn tả năm vắn nên thơ.

*Thơ rằng:
Cơ nghiệp hai trăm hưởng có thừa,
Tưởng thôi cơ nghiệp lụy dường mưa.*

¹ Là Thuận Nghĩa hầu Nguyễn Hữu Tiến và Chiêu Võ hầu Nguyễn Hữu Dật.

*Non sông cảnh vật coi như cũ,
Thành quách nhân dân đã khác xưa.
Trông dấu đồng đà nhìn bát ngát,
Ngâm thơ Thử Tắc chạnh bơ vơ.
Đi về nghiệm hẳn như lời hát.
Xuân lại hoàn xuân thấy bấy giờ.*

Thơ thôi lòng hãy ước mơ,
Phủ Hà, huyện Tống bao giờ lại Xuân.
Cơ hàn cực nổi muôn dân
Gạo mua bạc nén, cá cân tiền đồng.

385. Một ngày ví bằng ba Đông.
Muôn ngàn cũng hết tay không thế nào?
Gạo ăn cũng ví trời cao,
Một tiền một cáp gạo sao cho đầy.
Nghĩ nào ăn đặng nuốt cay.
390. Năm tiền chưa đặng đơm đầy bát cơm.
Hương hoa hưởng lấy mùi thơm,
Ước ăn no dạ biết làm chi ra?
Bao nhiêu súc tích của nhà,
Ngàn vàng mua sống miễn qua một ngày.
395. Gần xa trù trử châu mày,
Một năm nào thấy Đông Tây tiếng cười.
Xiết thương Hà Nội lưng vời.
No chi hậu lại khiến đòi Hà Đông.
Cheo leo đường trứng non chồng.
400. Khác người Quảng, Huế một lòng chua cay.
Đã cam hột gạo mua nài,
Nào no xưa, thấy đói rày dễ duôi.

- Cách sông hờn thảm mấy thôn,
 Khói tiêu trăm bếp bụi hun muôn nôi.
405. Vực còn dễ khiến xa bồi.
 Bèo tan thân thể, thuyền trôi ân tình.
 Kêu tường luống thấy yếu anh,
 Cỏ loạn thị thành rêu lấp thôn gia.
 Đường đi nào thấy người ta,
410. Chim là trăm họ, cỏ là muôn dân.
 Cơm chan nước mắt mà ăn.
 Thân người nào khác ví thân muông mèo.
 Lỡ đời tám mẫn làm yêu.
 Khi mua đứng bóng xế chiều đặng đầu.
415. Lọ là củi quế, gạo châu.
 Ấy khoai là bạc, ấy rau là vàng.
 Thiết thân đói khát trăm đàng.
 Nào ai có biết hổ hang lẽ gì.
 Cha con cũng bỏ nhau đi.
420. Vợ chồng nào tưởng xướng tùy là đâu!
 Há rằng tình chẳng thương nhau,
 Nhất chiêu bất thực có câu vô nghì.
 Kẻ nào gắng đặng thì đi.
 Vong hương thất thổ quản gì tấm thân.
425. Kẻ nào già yếu lỡ lần,
 Đã đành thác trẻ ngã lặn rãnh ngòi .
 Đói lâu nhọc cốt, nặng hài.
 Người ăn thịt người trời đất thâu chẳng!
 Sinh dân ví chẳng đạo hằng.
430. Lộn đời súc vật, thì rằng cho hay.
 Ai làm nên nổi nước này.

- Non xương chất thắm, dòng thây trôi hờn.
 Có ai hầu lại phong phần?
 Đường rêu ấy táng, suối đờn ấy đưa.
435. Có ai hầu lại phụng thờ?
 Hương tàn ấy chớp, đèn lờ ấy trắng.
 Có ai hầu lại than rằng?
 Mưa hằng tuôn lụy, gió hằng kêu oan.
 Có ai hầu lại quát quan?
440. Dưới phân bụng cá, trên tan mỏ diều.
 Thác thì ra đất đã liều,
 Sống gẫm nhiều điều thực khó nói năng.
 Thác yên, sống đã thuận chăng?
 Vì ai nên nổi bất bằng hỡi ai?
445. Cơm ăn nào hỏ ta lai.
 Bền mê đều đắm lòng người khá thương.
 Nào còn thói cũ phong quang.
 Ăn lông mặc lá, doi đường Hồng - Mông.
 Đắng cay ai biết trong lòng.
450. Dật dờ thân lại lạnh lũng tâm thân!
 Đoái trong thiên hạ mười phần.
 Cơ hàn hết chín, giàu ăn mấy người?
 Sự ăn còn hãy chưa nguôi,
 Than rằng sự mặc nguì nguì thêm thương.
455. Ba đông đã lạnh thấu xương.
 Chẳng thà lại trắng mà vàng lại xen
 Hồn hào nào biết sang hèn
 Đặng lành bố bả, phỉ quyền gấm thêu.
 Ai chê kẻ khó người nghèo
460. Ghét dơ thì thớ thuyền chèo hạ lưu.

Bơ vợ như thể thêm sâu,
Thấy phôi sự khóc, thấy dâu sự cười.
Cô hồn thương hỡi chúng người.
Nỗi hàm oan ấy, mấy đời cho tiêu.

465. Ngọn hương giải thoát ai khêu.
Dòng mê ai vớt lên đèo từ bi.?
Thương tình hậu dễ có chi
Kính dâng ba chén tạm vì một vấn.

Hỡi ôi!

*Sống thác đã hay rằng phận, ưng thà ưng cho
hết thừa nhân tình;*

*Cơ hàn cực nỗi thiết tha, trách bậy trách làm
khi loạn lạc.*

Nhớ chúng cô hồn xưa:

Trăm thợ trở tràng;

Ngàn năm xây tạc.

*Quảng Nam trời đất rộng, dễ ai dành phong
nguyệt sinh nhai;*

*Thuận Hóa nước non thanh, mặc vui thú
giang sơn đồ mạt.*

Trời xuân đã thấu lên đài;

Cõi thọ đều mừng đến vực.

*Những tưởng nghèo cho yên phận nghèo, khó
cho yên phận khó, ngô nhờ bốn thú làm ăn;*

*Chẳng may vận khéo xui rồi vận, thời khéo
xui rồi thời, đoái thấy bốn bề nổi giặc.*

Cám thương không xiết nỗi thương;

Đến thác chẳng yên phận thác.

Hoặc ở chiến trường mà nằm trong kiếp
lược, thảm chưa tàn ngọn lửa Tây Sơn;

Hoặc sa trận thế mà lụy phải tội tàn, sâu còn
dội lưỡi gươm Bắc tặc.

Hoặc chịu cơ hàn mà cả trách trời xanh;

Hoặc đã muối dưa mà chẳng qua ngày bạc.

Trôi gành tấp bãi, thây oan khắp bến lênh
đênh;

Bỏ quán nằm cầu, xương trắng đầy đường
ngan ngát.

Hồn còn chôn bụng cá, lòng sông;

Phách hãy dội chân diều, mỏ ác.

Cốt hài rơi hãy đó, luống đeo sầu ngọn cỏ,
hạt sương;

Thân thích đoái còn ai? hầu phỉ dặng vò
hương bát nước.

Phải ta dặng cầm cờ Cáp Âm, thà chịu tội
kiểu chiếu mà phát kho;

Phải ta dặng phò giá Võ Vương, cũng tán của
Lộc Đài mà làm phước.

Kéo chịu gió tối phát phơ.

Kéo chịu mưa mai lác đác.

Ôi! Một thừa đổi đời;

Nghìn năm chéch mác.

Thang bắt loạn, kham trách họ Trương.

Cờ xướng nghĩa ngậm hờn thẳng Nhạc.

Đau lòng không ráo mắt, thấy xương da bỏ
chón rãnh ngòi.

*Ngưng trán đổ mồ hôi, không quan quách
phải dùng bó vác.*

*Đất một thỏi, đem vầy phong táng, lỏa lô kia
kẻ thấy chẳng đành;*

*Rượu ba tuần, rầy tạm tế nghi, anh linh nữa
xin nguyên thỏa chước.*

Nay cáo.

Tế thôi lụy ứa chéo khăn.

470. Tưởng trong hai chữ “vận tuần” mà ngâm,
Loạn này hầu dễ mấy năm?

Hay là đổi trị hai trăm có thừa?

Có đâu trái nặng dầm mưa.

Bao nhiêu ách tắc như xưa hãy còn.

475. Bây giờ hãy biết lẽ khôn.

Đắng cay phải chịu, ngọt ngon dễ nài.

Ra đàng những thấy chông gai.

Đất trời chẳng rộng, trách ai hẹp hòi.

Có đâu oan nghiệp luân hồi.

480. Thế gian rằng có lẽ trời ở mô?

No thôi quá ngán chi no!

Chớ mơ bị thóc mà mua sáu đồng.

Khó nghèo ở lỗ đã xong.

Giàu sang coi lại chẳng thông ở trường.

485. Khôn ngoan cũng giống điên cuồng.

Phong quang nào phải buông tuồng như xưa.

Ai làm thất sở sanh sơ.

Thân ta như ốc ngán ngơ lộn hồn;

Giả ơn nhân nghĩa muôn ơn.

490. Đã khô máu mỡ, chi còn tằm hơi
Chua cay đắng xót lòng người.
Một ngày không Chúa trăm nơi dậy loạn.
Chiêu binh giả lập Hoàng Tôn.
Quan nghe huyện Mộc, đóng đồn Ba Lâm.
495. Đánh nhau cướp bóc âm âm
Kẻ tranh Khám Lý, người làm Tham Muu.
Khéo là rước oán mua cừu.
Chuột bầy đào lỗ để hầu chi nên.
Đua bơi hơi sức cho phiền.
500. Hết chèo Cam Lộ, cùng thuyền Thủy Ba,
Chẳng hay tài cán chi ta.
Chọc ong vò vẽ, hỡi đà ích chi
Nào câu: “Địa lợi thiên thì”
Lấy lung chú Tán mưu kỳ ông Tham.
505. Chẳng chờ thời thế khá làm.
Những riêng trí tuệ, những ham cày bừa.
Một mình hầu để mấy thờ,
Bao nhiêu thảo mộc, hầu chờ phong vân.
Chẳng thì tứ thú làm dân.
510. Gỗ tròn có sức thì lăn mặc lòng.
Sao như cá chậu chim lồng.
Khó đà cay đắng giàu cùng khúc nô
Há rằng khó cực mà thôi.
Giàu bao nhiêu để đặng ngồi mà ăn.
515. Bán buôn cho nhọc tấm thân.
Ở kiệm, ăn cần, nào hảnh của ta.
Thí nghèo xưa chẳng rộng ra.
Giữ tiền làm mọi rày đà ích chi

- Sang giàu tích đặng mấy thì.
 520. Giá ngân buổi sớm tà huy ban chiều.
 Khen ai bày đặc trớ trêu.
 Xúc lòng kẻ cướp, mỗ đều đánh răn.
 Ở đâu chẳng chúa trị dân.
 Con không cha mẹ, cô bản ai thương?
 525. Đau lòng mượn lấy văn chương,
 Xúc ngâm một vãn kẻ thương sự đời.

Thương đời loạn; thương đời loạn.

Chẳng qua thiên ý đành xui;

Hay nổi nhân mưu thất toán.

*Năm Quý Tị tháng chín, tai mới nghe Tây
 giáp lỏng trì;*

*Sang Giáp Ngọ tháng năm, tờ lại thấy Bắc
 Hà phản gián.*

Ngỡ như năm trước, nói vậy lại qua;

Ai ngờ phen này, tưởng thôi hóa hã.

*Cửa lũy Thầy sắt mà mọt; hai mươi một
 tháng chín, bỗng đà binh pháp thẳng xông.*

*Thành Phú - Xuân vàng mà phai; hai mươi
 tám tháng chạp, phút thấy điện đài vi oán.*

Cám thương sự nghiệp sinh sơ;

Xiết nổi Chúa tôi ly tán.

*Mông bốn tháng giêng mới chạy, quân bỏ
 thuyền, đều lấy bạc vàng*

*Nghìn ngày nợ nước bỏ quên, tôi bỏ Chúa,
 lánh vòng tên đạn.*

Tưởng nhiều người hưởng thừa thái bình;

Đặng mấy kẻ cùng khi hoạn nạn
Ăn cây nào rào cây nấy chẳng thấy ngoan
dân nhà Châu;

Đặng buông nợ bỏ buông kia, đều những
Đình công nhà Hán.

Ắt khéo là kinh thảo thừa tật phong;

Ắt khéo là thành thân khi bản đảng?

Kia Điền thị đem về Tề địa, thế đã nghiêng
hơn bảy mươi thành;

Nợ Doãn Công bền giữ Tấn Dương, thành
chẳng lụt còn ba tấm ván?

Hướng chi bảy phủ hãy còn;

Trách bảy một người chẳng dạng.

Son nữ để cho phai thơ;

Thiết nữ xui cho mục khoán.

Cám cảnh thay!

Ao lệch vạc nghiêng, thành xiêu ngói tán.

Chốn Tiêu Tương tám cảnh, chẳng còn nghe
dõi ca phụng, nổi thuyền rồng;

Miền cung cấm chín trùng, luống những thấy
phát cờ lau, bày trận nhận.

Đoái chéch mác ghê đàng;

Tướng xót xa đòi đoan!

Nhà tôn miếu tan tàn đồ trọng khí, chéch vò
hương, nghiêng bát nước đổ bàn thờ;

Chốn phủ tàng thâu góp của danh lam,
những xanh vạc, lại đồ đồng thôi rón rảng.

Ấy xã tắc xiết chi là khuru khur.

Ấy sinh dân xiết chi là đồ thán!

Gẫm lẽ thiệt “hoán chủ giàn, tan con nghé”
ai ngờ ta không thừa mẹ cha,

Tủi thân hư “như con cá bỏ giỏ đơm” ai ngờ
ta khác chưng thổ sản.

Chỉ huy cò đã về tay;

Sinh sát đao cầm đằng cán.

Mỡ thâu đêm mấy đoàn kẻ cướp, thương hời
thương, giàu súc tích chẳng đặng ăn.

Gạo năm tiền một chén hẩm hiu, thăm bảy
thăm, bạc tiền đồng thời mới bán.

Lấy chi dưỡng sức cầm hơi;

Luống những ngóng đầu chau trán.

Nhà ở cùng cây cỏ ở, chốn thị thành bỗng
hóa rừng xanh;

Người ăn như chó mèo ăn, vật tám mắt xem
bằng vàng gián.

Nếu nói ra thì nước mắt nhỏ sa;

Nếu kể đến thì lòng thương khôn giã.

Nhà nuôi bữa, kẻ hồn không kẻ xác, khổ nào
thay! cá lượng vảy, thuốc lượng điều, củi bán cân;

Chợ mua tiền, thấy tốn chẳng thấy ăn; tha
thiệt bấy! bánh bán lá, khoai bán râu, cơm đóng
oản.

Nghĩ nào uống khát ăn thềm;

Khôn bấy nằm cầu ở quán.

Kẻ già yếu, thác lãn ngồi rãnh, xương trắng
quận Hà Đông;

Người thất thơ, đi bỏ quê hương, cỏ xanh
miền Nam Gián.

Nỗi ái ưu đã rồi dạ rồi lòng. Niềm cốt nhục
cũng hết ngoan hết ngoan.

Bên giếng Bắc đói quên liêm sỉ, em vắn cánh
tay anh mà ăn cướp cũng đành;

Chôn làng đông đói hết nghĩa nhân, mẹ cắt
miếng thịt con mà đặng ăn nào quản.

Cỏ rau trăm họ sắc xanh lè;

Vượn hót muôn dân hình quái đản.

Giữa chợ đói nằm thối thẻo, người rằng: ông
ngày trước mới thấy dù, võng, xiêm, đai;

Bên đường rách chịu xơ vơ, kẻ rằng: bà ngày
xưa mới thấy xuyên, hoa, hột, noãn.

Dân đời loạn lạc, từng nghe chép để trường
biên;

Sinh thừa hiểm nghèo, so lại hơn trong truyện
văn.

Cơm cháo đắng, lấy cỏ rau làm ngọt, bòn
non, non đã trọc trời;

Mắm muối không, lấy nước mặn làm ngon,
mức biển, biển đà quá cạn.

Thửa bình thường đói chịu đã cam;

Ngày tết nhất “no” thêm quá ngán.

Cửa rước chúa Xuân buồn dước dước; nào
cây nêu, cây mía, những tiếng pháo tiếng đu;

Bàn thờ ông vải chạnh khuâng khuâng; nào
miếng bánh, miếng nem, những cơm lương cơm
phạn.

Chúa xa xôi có thấu chăng là;

Dân loạn lạc no nao đặng chán!

Nắng đã trưa, mà mù còn tối, ấy là người
phải đao thương mà khô cốt sầu bi;

Trời chẳng động, mà sấm cứ kêu, ấy là kẻ
chịu sống cơ hàn mà u hồn ai oán.

Kẻ sao cùng muôn việc thảm thương;

Trông cho đặng mặt trời bão noãn.

Tớ nay:

Sĩ ở Đông lân.

Ngụ miền Nam bạn.

Than rằng đã lánh gian truân;

Rủi là gặp kỳ phán hoán,

Số là thấy “thiên hạ hoại loạn dĩ cực” lửa
hừng thảm thêm sâu;

Chửa gặp thì “thánh nhân cơ hội khả vi”
mưa rưới đượm màu cứu hạn.

Nói khôn cùng muôn việc thừa xưa.

Thường phải tạm vài lời tự thán.

Song le truyện cũ đã tra.

Chép lại sách xưa để án.

Lời rằng:

Đại hàn chi hậu, tất hữu dương xuân;

Đại loạn chi hậu, tất hữu chí trị,

Vậy có đoán rằng:

Khỉ bổng con mà khóc.

Gà vỡ ổ liền bay.

Chó ngoáy đuôi mừng chủ.

Lợn ăn no ngủ ngày.

Bây giờ đã hẵn mọi đường.

- Ăn năn nổi chúa, nhớ thương vô cùng.
 Đắng cay, thấy ruột làm xong,
 530. Ngọt ngon kẻ nể chiều lòng thêm chua.
 Những người phụ chúa thờ thù,
 Làm nên đã mấy qui mô trong đời
 Quân thân ngay thảo với ai ?
 Đá vàng lỗ miệng chông gai trong lòng.
 535. Vách gian rằng đã cản phong,
 Mười tay đã chỉ, mười tròng đã xem.
 Tội tẩm đã biết rằng đêm.
 Miễn lòng đước đỏ, ghi hiềm nổi chi.
 Đã rằng: quân tử thế thì,
 540. Sao câu: “Phi qui tế chi” lại làm.
 Khá thương hãm nịch thân tâm,
 Thuyền không Thang, Võ, ai cầm vớt lên.
 Đánh Nam sao Bắc nữ quên,
 Hay gần thời đoái, xa miền chẳng thương.
 545. Nước hao, con nước lại càng.
 Chờ năm nào nữa, mới sang thái bình.
 Than rằng biển thế mênh mênh.
 Bốn bề sóng gió, đổ mình nơi nao?
 Dễ chiều hạn hán khát khao,
 550. Sợ hăng gặp móng, trông nào thấy mưa.
 Lấy ai vớt chúng dân ta?
 Sao người tư mục trời chưa sớm trông.
 Hay là trước thử cháu rồng.
 Làm cho khổ tiết, mới dùng ấy chăng?
 555. Há rằng thiên ý hay răn?
 Hồng Mông với Hạng, còn rằng Bái Công.

- Xưa còn sơ cử tiềm long.
 Rày đà ở ruộng, mặc lòng lẳng vâng.
 Cá tôm sau chẳng biết thân,
 560. Thấy rồng ở cạn đặng gân lại khinh.
 Giao long vốn giống thần linh
 Trong ao há dễ có tình ở lâu.
 Một mai cử ngũ đương đầu,
 Chín trùng mưa móc, ân sâu khắp nhuận.
565. Sá chi một lũ kiếm ăn.
 Cậy mình có sức hiệp dân buông tuồng.
 Mệnh trời nào biết tác phân.
 Vin vai đã tưởng trèo lần lên cao.
 Xét mình tài mọn sức nao,
 570. Giống linh, báu cả cầm nào đặng vay.
 Xem gương Trần Thắng thì hay,
 Nghênh ngang nào đặng mấy ngày xưng
 vương.
 Ngàn năm dầu nhẩn chôn xương,
 Nổi như danh ấy như gương để đời.
575. No say mãi tiệc thì thôi.
 Ngựa xe giông ruổi chưa nguôi buông tuồng.
 Mấy thu sao khéo uổng công.
 Đặng chữ gian hùng chém Quắc mà thôi.
 Phải chi lòng hẵn như lời.
580. Trước sau đều hộ con trời mấy nên.
 Huống thêm hương lửa bén duyên
 Ngày sau đã hẵn con tiên cháu rồng.
 Một mai rồi nước gỡ xong.
 Trên trời công nghiệp cao trông ai phen.

585. Muôn năm để lại tiếng khen,
Bia vàng tạc đá, phỉ nguyên hay chẳng ?
Tiếc thay chẳng thuận đạo hằng.
Nghĩa nhân lỗ miệng đãi đặng rằng khôn.
Ngọn cờ chiêu chúng hương thôn.
590. Báo danh làm chữ Hoàng Tôn bia bày.
Cho nên ứng thuận lòng người.
Ai đâu dám cãi mệnh trời vậy vầy.
Đã vâng hồng nhật trên tay.
Hãy còn ở thói nước mây lãng loạn.
595. Bây giờ đã hẵn mặt chẳng ?
Phấn tô trung nghĩa, mực nhằng tà gian.
Làm cho thiên hạ làm than,
Tội danh biết để mấy ngàn muôn thu ?
Bây giờ coi thế đã cô.
600. Quân thần ban tối, cừ thù bữa mai.
Làm vua ví chẳng mệnh trời.
Nếu tranh mà đặng nhiều người cũng mơ.
Xưa kia cờ đã về ta.
Trong tay chẳng phát để ra tay người.
605. Có thân thì đoái sau này,
Chẳng ngay cùng Chúa ai ngay cùng mình.
Cáo kia chớ cậy có thành.
Trần Hòa dễ chống dân tình đặng đâu.
An nguy còn tưởng khoe mầu.
610. Thành cao oan nghiệp, ao sâu tội tình.
Sao chẳng học phép dụng binh ?
Lấy trung làm giáp, mài thành làm gươm.
Nghĩa nhân trận ấy thường đàm.

- Giữ bên, đánh đặng, ai làm chi hơn.
615. Cớ sao rước oán, gây hờn.
Một mình khiến chống cho hơn cả trời.
Mượn hồn ốc hồ cho người.
Vì dân bảy phủ gửi lời một thơ.

*Sinh loạn vì ai trước mượn tay,
Kinh doanh gã Nhạc có tài hay.
Thả mối tặc tử câu binh Bắc.
Mượn lưới Hoàng Tôn bủa cõi Tây.
Ném mật ba dinh thù hãy đấng.
Ấn gùng hai xứ oán còn cay.
Bạo tàn sao chẳng soi gương Hạng.
Nước đổ Ô giang khó vớt thây.*

- Thơ thôi thảm thiết tuồng thơ,
620. Trèo cây đương gió, ngọn cờ đương lay.
Sao cho hùm nọ có vây.
Đất hời đâu dày, trời hời đâu cao?
Cao dày dễ có riêng sao,
Phúc nào khỏi thiện, họa nào khỏi dâm ?
625. Gẫm xem thiên mệnh nhân tâm,
Chuyển hoàn sự ấy, há làm ngu ngu.
Làm chi nên nổi ngất ngờ.
Vì dân thì phải khu trừ loài gian.
Tám lòng hương lửa chưa tàn,
630. Lạy trời chớ phụ, xin ban mười nguyên.
Một nguyên các đạo tương liên,
Ba ngàn đồng đức hiệp miền Mạnh tân.

- Hai nguyên ứng thiên, thuận nhân.
 Ngồi chánh bắc thần trước lập Hoàng Tôn.
635. Ba nguyên sĩ tuyền tài khôn.
 Can nghe, kế dụng, chớ mòn tác phân.
 Bốn nguyên cớ dụng nghĩa nhân.
 Đến đâu chớ phạm của dân thu hào.
 Năm nguyên nghịch đảng rủ nhau,
640. Bạo tàn thì chết theo sau thì đừng.
 Sáu nguyên an nghỉ Điện, Thăng.
 Chiêu về trăm họ, nghiệp hằng đặng lo.
 Bảy nguyên khử chúng tham ô,
 Chớ còn nổi giặc để thù muôn dân.
640. Tám nguyên rộng bủa lưới nhân.
 Khắp thân hào kiệt trong trần chớ rời.
 Chín nguyên quan ải trùng khai,
 Mở đường thương lữ trong ngoài châu vua,
 Mười nguyên đem lại đế đô,
650. Xe thơ một mối cơ đồ muôn năm.
 Nguyên rồi lại vái lâm thâm.
 Xin cho như nguyện chớ lầm mới thiêng.
 Kéo còn đeo nổi buồn riêng.
 Rau ăn chưa báo, nắng hiên chưa đèn.
655. Ngõ nhờ thiên vận sớm nên.
 Phấn dôi đời trị, phỉ nguyên bình sinh.
 Trên mừng đặng Chúa thánh minh.
 Châu về bốn biên, tấm kính bật không.
 Thái bình mở tiệc ca hồng.
660. Thịt no đức hóa, rượu nồng giáo văn.
 Nơi nơi đủ mặc no ăn

Khúc ca ba áo đôi quần xênh xang.

Bõ khi loạn lạc cơ hàn.

Đói nằm thất thủ dọc đường bơ vơ.

665. Tấm lòng chẳng hổ ngây thơ

Tưởng dung chấp vá mấy lời giải khuây.

Thiết tình nào lựa câu hay,

Ai xem biết đặng lòng này chớ chê.

Trước sau mọi nỗi chếp ghi,

670. Coi chơi há dám tạc bia đề đời.